

Thủy Định Thanh

Cảm mạo là cảm nhiễm phải tà khí của bốn mùa trong năm, còn gọi là ngoại cảm. Nguyên nhân là do khí hậu thất thường của thời tiết, như đang lạnh đột ngột chuyển nắng nóng, và ngược lại. Khí hậu thất thường đó xâm nhập vào cơ thể mà sinh ra, nặng lắm thì gọi là trúng; vừa vừa thì gọi là thương; và nhẹ thì gọi là cảm. Nếu tà khí nặng vào sâu ở kinh lạc là bệnh thương hàn, nếu là nhẹ mà ở nông chỉ phạm da lông là bệnh thương phong.

Như vậy, cảm mạo là thương phong, do thời tiết bốn mùa khác nhau gây nên, có thể chia làm cảm phong hàn, cảm phong nhiệt... Ngoại cảm phong hàn vào da lông làm phế khí mất túc giáng, thường phát vào mùa đông. Ngoại cảm phong nhiệt, cả phế và vệ ở biểu cùng bị tấn công, phế mất thanh túc, da bị bít lại sinh nhiệt, thường phát vào mùa xuân, mùa hè. Cả hai loại cảm mạo đều có thể hiệp thấp và có thể thấy ở cả bốn mùa. Vào mùa thu có thể có phong táo, có đặc điểm giống phong nhiệt.

Triệu chứng chung của cảm mạo là: Nghẹt mũi, nặng tiếng, hắt hơi, chảy mũi, đau đầu, sợ gió hoặc có sốt, kéo dài 3 - 7 ngày... Với trường hợp cảm mạo phong nhiệt thì phép trị là "Tân lương giải biểu".

Siro Thủy Định Thanh với các thành phần: Kim Ngân Hoa, Liên Kiều, Cát Cánh, Ngưu Bàng Tử, Bạc Hà, Kinh Giới... đều là các dược liệu có tính tân lương giải biểu, thanh nhiệt tiêu độc.

Tác dụng dược lý của các vị thuốc theo Y học cổ truyền và Y học hiện đại:

***Kim ngân hoa:** có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, thông kinh lạc dùng chữa dị ứng, mẩn ngứa, mụn nhọt, cảm sốt, viêm mũi. Một số tài liệu cho rằng, Kim ngân hoa có tác dụng kháng khuẩn, kháng virus, kháng độc tố, tăng cường khả năng miễn dịch, thúc đẩy hiện tượng thực bào của bạch cầu.

***Liên kiều:** có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, tán kết, tiêu thũng, dùng chữa phong nhiệt, cảm sốt, họng sưng đau, mụn nhọt, phát ban, mẩn ngứa, mề đay. Theo kết quả thực nghiệm lâm sàng, các chất forsythosid A, C và D có trong thành phần của quả Liên kiều có tác dụng kháng khuẩn, kháng virus, tinh dầu trong hạt Liên kiều có tác dụng kháng nấm.

***Cát cánh:** có tác dụng thông khí phế, tiêu đờm, làm cho mũi độc vỡ ra ngoài, dùng chữa ho có đờm hôi tanh, viêm đau họng, khản tiếng, hen suyễn, tức ngực, khó thở, nhọt ở phổi. Ở Nhật Bản và Ấn Độ, Cát cánh được dùng để chữa đau họng, viêm phế quản, ho có đờm, mụn nhọt.

***Bản lam căn:** Vị thuốc có tính hàn, vị đắng, lợi về kinh tâm, vị. Có công hiệu thanh nhiệt, giải độc, mát gan, tiêu viêm, giảm ho, long đờm, mát phổi, chữa các chứng bệnh phong nhiệt thấp độc, đau đầu, sốt cao, họng sưng rất, tâm phiền, miệng khát, chảy máu cam, đại tiện táo, phát ban, các bệnh viêm gan cấp và mạn tính...

***Ngưu bàng tử:** có tác dụng tán phong nhiệt, thanh nhiệt, giải độc, thông phổi, tiêu thũng, sát trùng, dùng chữa cảm cúm, tiểu tiện không thông, sốt, đau họng, viêm phổi, viêm tai, mụn nhọt. Ở Châu Âu, Ngưu bàng tử được coi là thuốc chữa bệnh ngoài da và bệnh gút.

***Đạm đậu xị:** có tác dụng an thần, hạ sốt, được dùng chữa cảm mạo, thương hàn, sốt, nhức đầu, sốt rét, trong người phiền muộn, hai chân lạnh nhức.

***Kinh giới:** có tác dụng thanh nhiệt, tán hàn, khu phong, tán ứ chữa cảm mạo, nóng sốt, viêm họng, lở ngứa, mụn nhọt. Ở Nhật bản dùng tinh dầu kinh giới làm thuốc hạ nhiệt và lợi tiểu, thử nghiệm lâm sàng cho thấy, tinh dầu kinh giới có tác dụng kháng khuẩn.

***Đạm trúc điệp:** có tác dụng lợi tiểu, thanh tâm hỏa, trừ phiền nhiệt, dùng làm thuốc chữa sốt, khát nước, lợi tiểu tiện, giải độc.

***Bạc hà:** có tác dụng hạ sốt, ra mồ hôi và sát trùng mạnh, dùng chữa cảm sốt, cảm mạo, nghẹt mũi, nhức đầu, đau bụng, đầy bụng, chứng ăn không tiêu. Bạc hà chứa nhiều tinh dầu, hoạt chất chủ yếu là Menthol có tác dụng giảm đau, sát trùng mạnh gây cảm giác mát và tê tại chỗ.

***Cam thảo:** có tác dụng giải độc, tả hỏa, dùng chữa cảm, viêm họng, mụn nhọt, đau dạ dày, ngộ độc. Thực nghiệm lâm sàng chứng minh, Na và K glycyrrhizat có tác dụng giải độc mạnh đối với độc tố của bạch hầu, chất độc của cá, nọc rắn nên Cam thảo có tác dụng bảo vệ gan trong viêm gan mạn tính và tăng bài tiết mật, chống dị ứng.

Thủy Định Thanh

THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

Cao lỏng được liệu tương đương:

Liên kiều (<i>Fructus Forsythiae</i>)	1000mg
Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>)	1000mg
Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>)	750mg
Trúc diệp (<i>Herba Lophatheri</i>)	750mg
Kinh giới tuệ (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>)	500mg
Đậu xị (<i>Semen Sojae praeparata</i>)	750mg
Ngưu bàng tử (<i>Fructus Arctii</i>)	750mg
Bản lam căn (<i>Clerodenron cytophyllum Turcz.</i>)	500mg
Bạc hà (<i>Herba Menthae arvensis</i>)	750mg
Cam thảo (<i>Radix Glycyrrhizae</i>)	300mg

Phụ liệu vừa đủ 10ml

CÔNG DỤNG:

- Thanh nhiệt giải độc.
- Giảm các triệu chứng cảm cúm, cảm lạnh với các triệu chứng: Đau chảy nước mũi, nghẹt mũi, hắt hơi, đau họng, ho, đờm, ớn lạnh, sốt, nhức đầu, đau nhức cơ và các triệu chứng cảm lạnh khác.
- Trị các chứng nhức đầu, và đau mỏi người khi thời tiết thay đổi.
- Dùng tốt trong các trường hợp: Cảm mạo phong nhiệt (cảm nhiệt, sốt nóng, sợ gió), phát sốt, nhức đầu, ho, miệng khô, họng đau.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:

- Trẻ em trên 2 tuổi và người lớn bị cảm cúm, sốt nóng đau đầu, viêm họng, họng sưng đau, miệng khô.
- Trẻ em dưới 2 tuổi sử dụng theo hướng dẫn của Bác sĩ hoặc Dược sĩ.

CÁCH DÙNG:

- Người lớn: Uống 10 - 20ml/lần, ngày 2-3 lần.
- Trẻ em: Uống 10ml/lần, ngày 2 - 3 lần.

BẢO QUẢN:

Để nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Sản phẩm này không phải là thuốc, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 20 ống x 10ml.

HẠN SỬ DỤNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi ở trên nhãn sản phẩm.

SỐ XNCB: 10804/2017/ATTP-XNCB

Nhà sản xuất: **CÔNG TY CP LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ESSEN-ĐỨC**

Khu CN Bờ Trái Sông Đà, P. Hữu Nghị,

TP. Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình